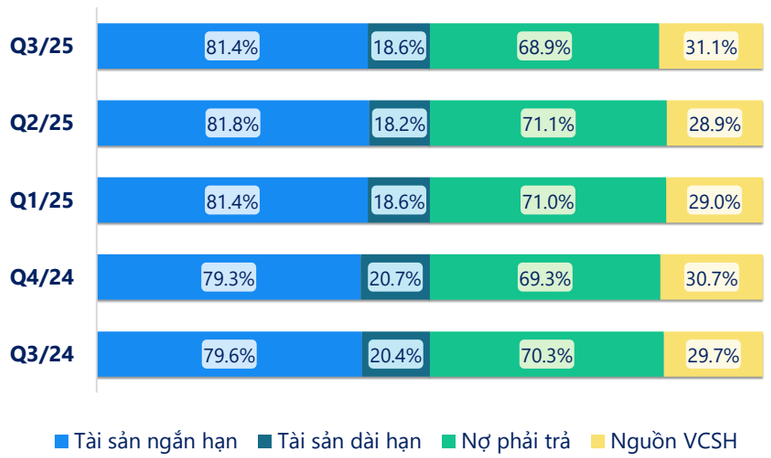
FireAnt

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	29,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,545
SL cổ phiếu LH	80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)	489,560
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,375
P/E	20.0
EPS	1,473

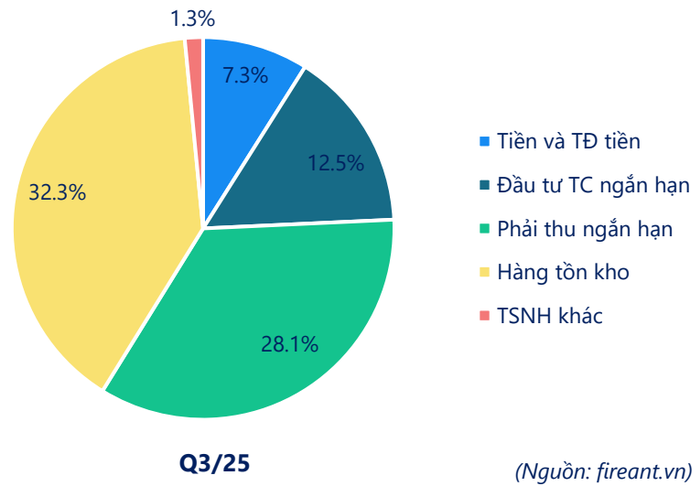
	YTD	1T	3T	6T
PLC	36.8%	5.8%	18.5%	28.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



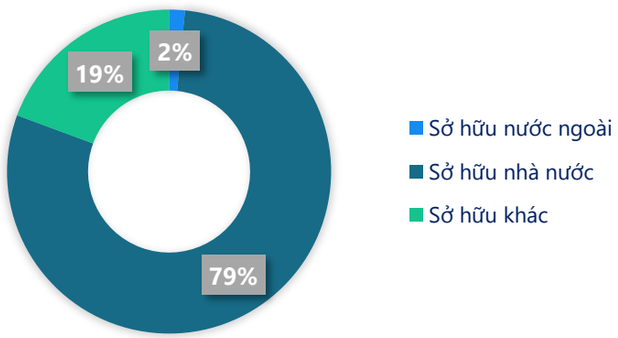
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



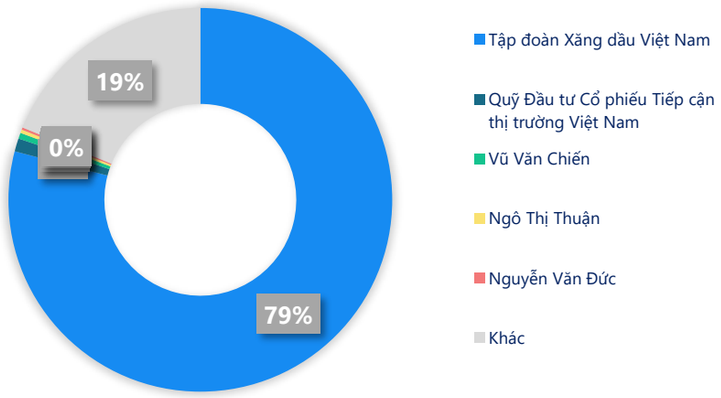
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



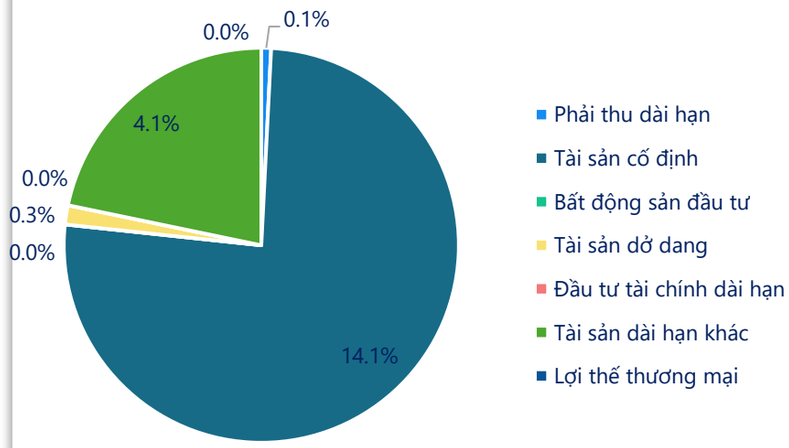
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

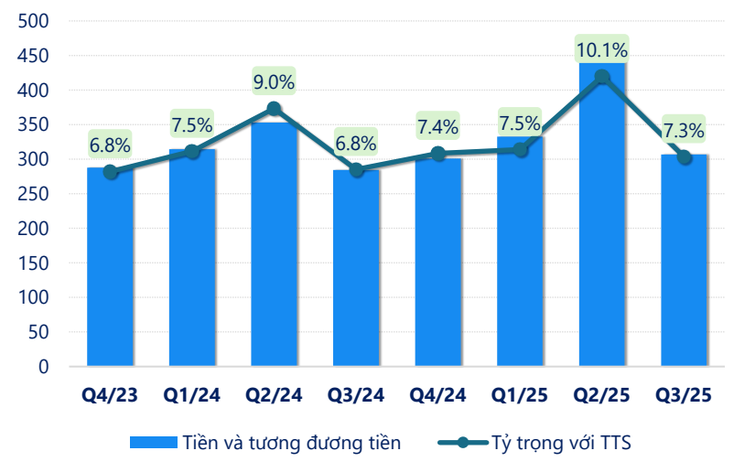


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

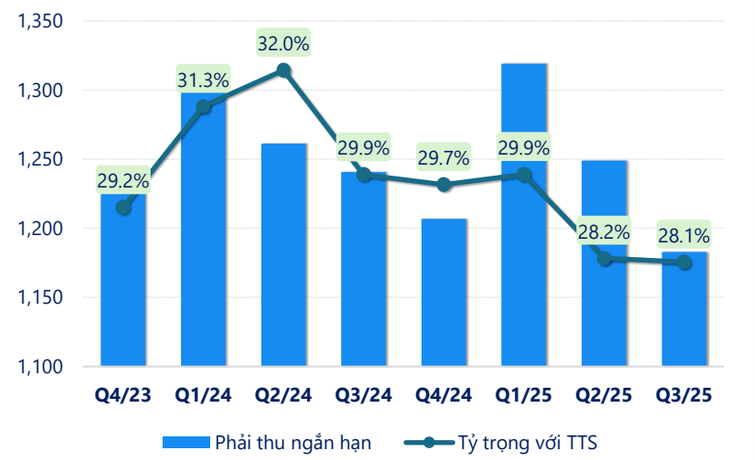
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)

Tiền và tương đương tiền



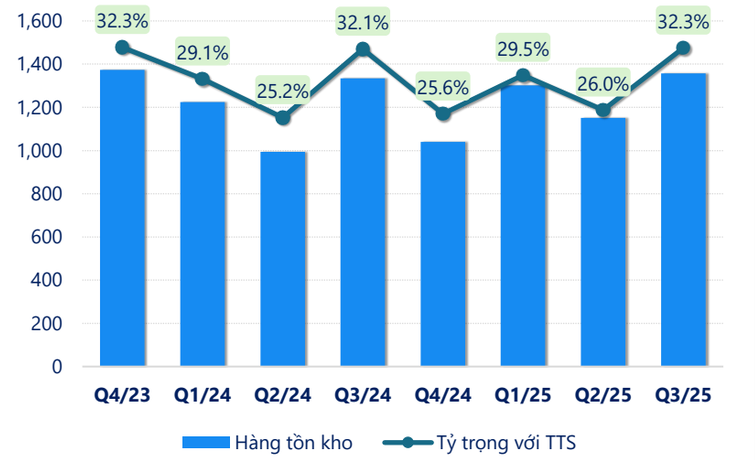
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



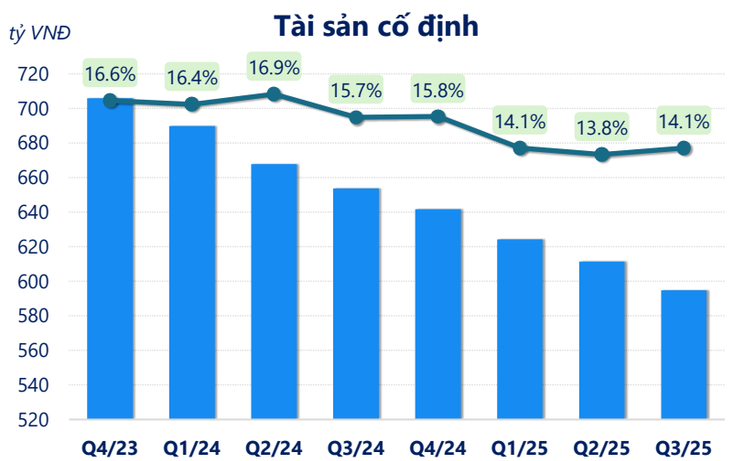
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



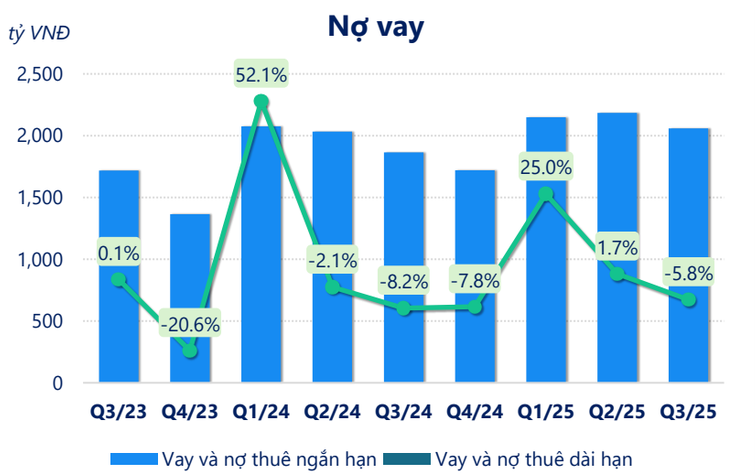
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



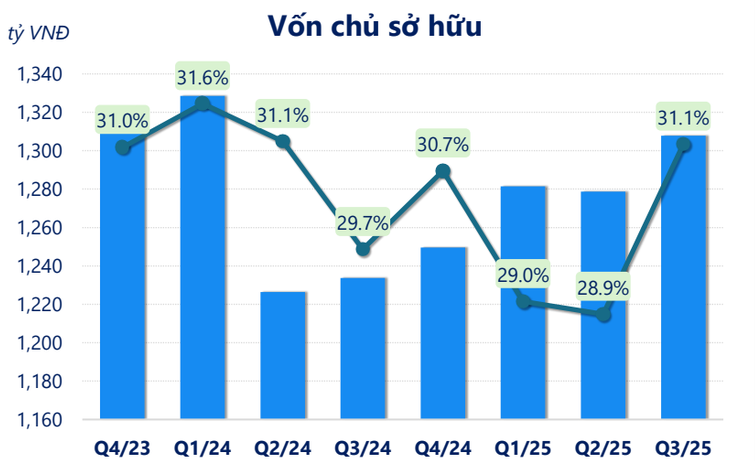
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

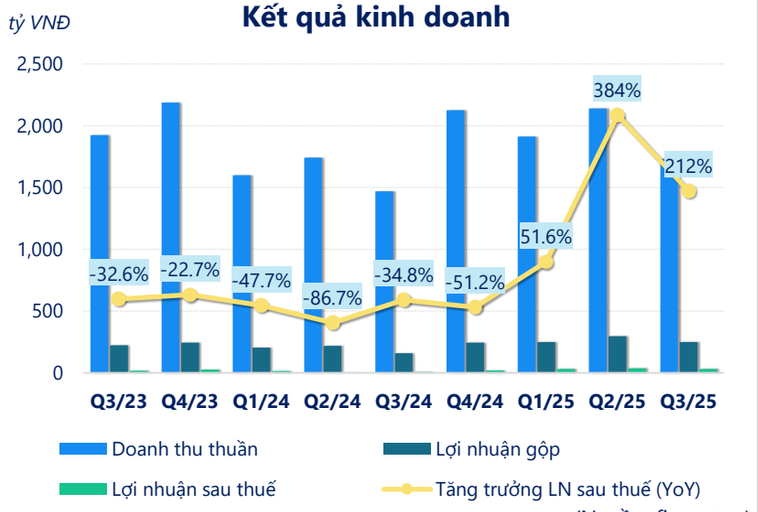


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

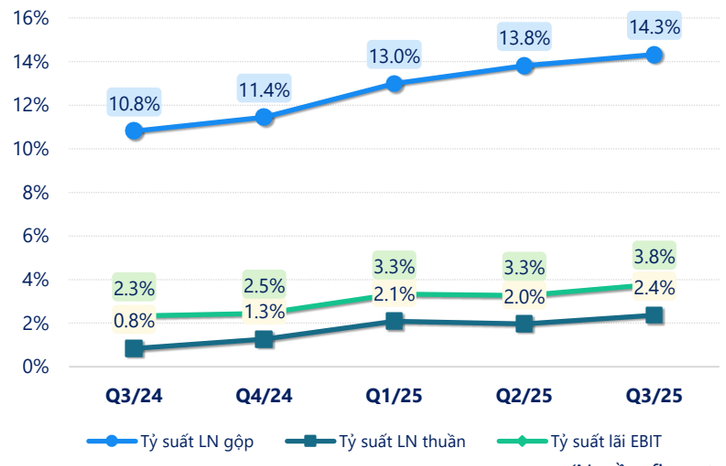
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)

Kết quả kinh doanh



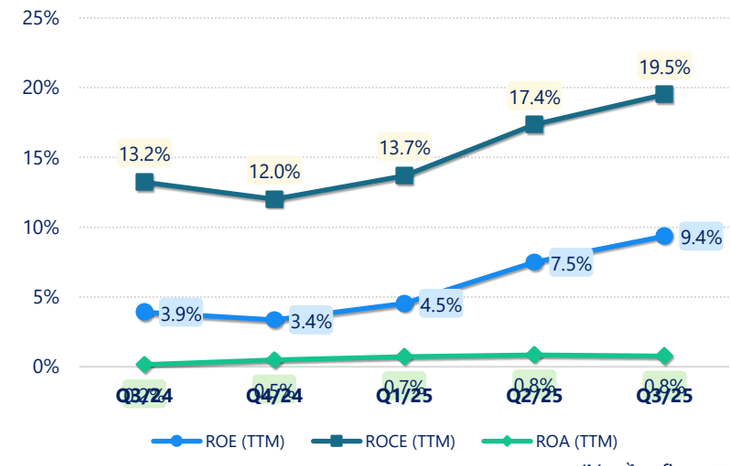
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



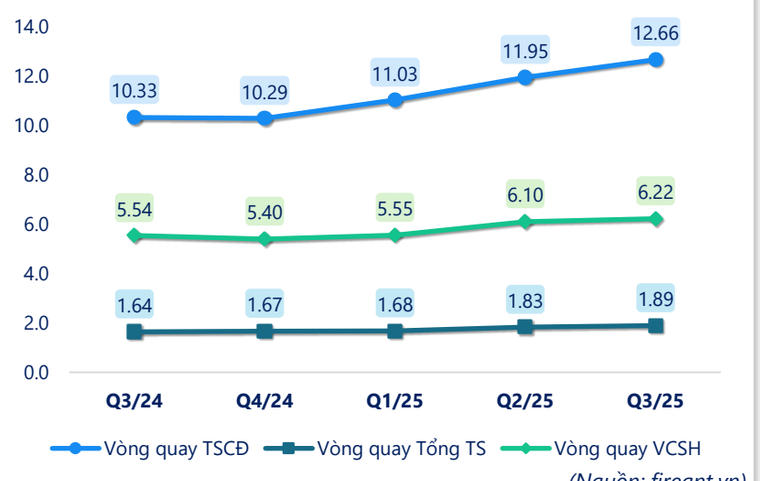
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



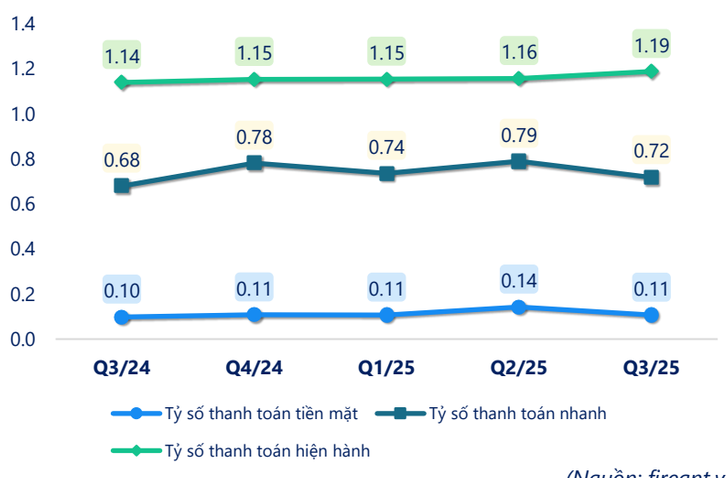
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



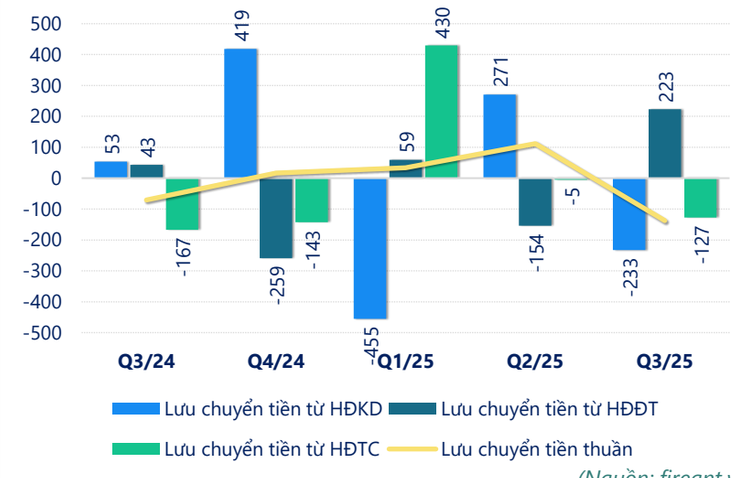
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,207**	**4,080**	**3.1%**
Tài sản ngắn hạn	3,423	3,239	5.7%
Tiền và tương đương tiền	307	299	2.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	524	646	-18.8%
Phải thu ngắn hạn	1,183	1,206	-1.9%
Hàng tồn kho	1,357	1,054	28.7%
Tài sản ngắn hạn khác	52.6	33.7	56.1%
Tài sản dài hạn	**784**	**841**	**-6.8%**
Phải thu dài hạn	6.25	6.27	-0.4%
Tài sản cố định	595	642	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.3	10.7	14.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**170**	**183**	**-6.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,899	2,830	2.4%
Nợ ngắn hạn	**2,882**	**2,812**	**2.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,059	1,719	19.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	635	948	-33.0%
Nợ dài hạn	17.6	17.8	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,308**	**1,250**	**4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,308**	**1,250**	**4.7%**
Vốn điều lệ	808	808	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,468	2,124	1,912	2,140	1,731
Giá vốn hàng bán	1,309	1,881	1,663	1,844	1,483
Lợi nhuận gộp	159	243	248	296	248
Doanh thu HĐTC	31.5	2.86	21.8	16.4	15.8
Chi phí TC	21.0	36.0	25.8	40.9	26.6
Chi phí lãi vay	21.7	22.5	23.9	27.4	24.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	117	176	164	171	148
Chi phí QLDN	39.6	7.00	40.3	58.5	48.4
LN thuần từ HĐKD	12.3	26.8	39.8	42.0	40.9
Lợi nhuận khác	0.22	2.83	-0.07	0.61	-0.11
LN trước thuế	12.5	29.7	39.7	42.6	40.8
Lợi nhuận sau thuế	6.60	20.3	31.5	35.5	31.8
LNST của CĐ cty mẹ	6.60	20.3	31.5	35.5	31.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.4	419	-455	271	-233
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	43.1	-259	58.9	-154	223
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-167	-143	430	-5.32	-127
Tiền đầu kỳ	353	284	299	333	446
Lưu chuyển tiền thuần	**-70.3**	**16.8**	**33.5**	**112**	**-137**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.59	0	0	2.03	-2.03
Tiền cuối kỳ	284	301	333	446	307

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic